

## 4.4.1. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống.

Bảng 2

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giống nguyên chủng	Giống xác nhận
- Độ sạch (tối thiểu)	% khối lượng	99,0	98,0
- Hạt cỏ dại trong 1gam hạt giống	% khối lượng	0,0	0,0
- Khối lượng 1000 hạt	gam	0,080 - 0,085	0,075 - 0,080
- Tỷ lệ nảy mầm (tối thiểu)	% hạt	85,0	80,0
- Độ ẩm của hạt (tối đa)			
+ Hạt đựng trong bao vải, bảo quản trong phòng lạnh	% khối lượng	7 ± 0,5	7 ± 0,5
+ Hạt đựng trong bao vải, bảo quản trong điều kiện bình thường	% khối lượng	10 ± 0,5	10 ± 0,5

## 4.4.2. Phương pháp kiểm nghiệm hạt giống

Áp dụng theo tiêu chuẩn 10TCN 322 - 98./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và  
Phát triển nông thôn  
Thủ trưởng

BÙI BÁ BỔNG

**QUYẾT ĐỊNH** của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 41/2003/QĐ-BNN ngày 28 tháng 01 năm 2003 về việc ban hành Quy chế quản lý chương trình, đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp Bộ.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ nghị định số 73 CP ngày 01/11/1995 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ,

quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ vào yêu cầu tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với các chương trình, đề tài, dự án do Bộ quản lý và nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và chất lượng sản phẩm,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này

“Quy chế quản lý các chương trình, đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp Bộ”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và CLSP, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan; các tổ chức, cá nhân thực hiện các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp Bộ có nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước hoặc các nguồn vốn khác có tính chất như ngân sách Nhà nước thực hiện Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và  
Phát triển nông thôn  
*Thủ trưởng*

BÙI BÁ BỔNG

## **QUY CHẾ Quản lý chương trình, đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp Bộ**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 41/2003-QĐ/BNN ngày 28/01/2003 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).*

Quy chế này ban hành nhằm thống nhất quản lý về khoa học công nghệ; nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ vào sản xuất; nâng cao trách nhiệm của cơ quan và cá nhân thực hiện các chương trình, đề tài, dự án khoa học công nghệ (KH-CN) do Bộ quản lý theo đúng những quy định hiện hành của Nhà nước

### *Chương 1*

## **QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý có nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước hoặc các nguồn vốn khác có tính chất như ngân sách Nhà nước.

## **Điều 2.** Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chương trình nghiên cứu:* Là tập hợp các đề tài nghiên cứu khoa học cùng một lĩnh vực hoặc nhiều lĩnh vực có liên quan, mang tính chất hệ thống nhằm giải quyết mục tiêu phát triển của Ngành.

2. *Đề tài nghiên cứu khoa học:* Là nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cụ thể có mục tiêu, nội dung, phương pháp rõ ràng nhằm tạo ra các kết quả mới đáp ứng yêu cầu của sản xuất hoặc làm luận cứ xây dựng chính sách hay cơ sở cho các nghiên cứu tiếp theo.

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ được chia ra làm 3 loại:

- *Đề tài thuộc chương trình:* Là nhiệm vụ nghiên cứu mang tính chiến lược và cấp thiết của Ngành. Thời gian thực hiện từ 1-3 năm, có thể dài hơn nhưng không quá 5 năm.

- *Đề tài trọng điểm khác (độc lập cấp Bộ):* Là nhiệm vụ nghiên cứu mang tính cấp thiết hoặc đột xuất của Ngành, không nằm trong các chương trình. Thời gian thực hiện không quá 3 năm.

- *Đề tài cấp cơ sở:* Là nhiệm vụ nghiên cứu hàng năm mang tính chất thăm dò phục vụ cho các đề tài ở giai đoạn sau do các đơn vị đề xuất, trực tiếp quản lý.

3. *Dự án sản xuất thử nghiệm* (dưới đây gọi là dự án P): Là nhiệm vụ tiếp theo của đề tài nghiên cứu nhằm hoàn thiện công nghệ và quy trình kỹ thuật trước khi áp dụng vào sản xuất.

**Điều 3.** Cơ sở hình thành các chương trình, đề tài, dự án:

0585495  
LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com



1. Chiến lược và các Chương trình mục tiêu phát triển nông nghiệp và nông thôn của Ngành;

2. Đề xuất của Cục chuyên ngành, các đơn vị nghiên cứu, đào tạo, doanh nghiệp, địa phương, các tổ chức khác và cá nhân;

3. Đề xuất của Hội đồng KH-CN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

4. Từ các nội dung Hợp tác quốc tế.

**Điều 4.** Yêu cầu đối với chương trình, đề tài, dự án.

1. Đề cương chương trình, đề tài, dự án phải có mục tiêu, nội dung và giải pháp tổ chức, phối hợp thực hiện hiệu quả. Với đề tài, dự án phải có phương pháp nghiên cứu phù hợp và cụ thể.

2. Kết quả nghiên cứu phải là luận cứ khoa học, cơ sở để xây dựng chính sách hoặc các sản phẩm như: giống mới, công nghệ, thiết bị, qui trình, mô hình v.v. đáp ứng nhu cầu của sản xuất và đời sống.

**Điều 5.** Điều kiện để cơ quan, cá nhân chủ trì thực hiện chương trình, đề tài, dự án:

1. Cơ quan chủ trì phải có đủ điều kiện về nhân lực, thiết bị và cơ sở vật chất cần thiết cho việc thực hiện chương trình, đề tài, dự án có hiệu quả.

2. Cá nhân chủ trì phải có ít nhất 10 năm công tác theo đúng lĩnh vực chuyên môn của chương trình, đề tài, dự án, nếu thời gian ít hơn phải có giới thiệu của Hội đồng khoa học cơ sở. Mỗi cá nhân không đồng thời chủ trì quá 2 đề tài cấp Nhà nước hoặc cấp Bộ;

3. Trường hợp cán bộ chuyển công tác sang cơ quan mới, cán bộ không đủ thời gian để kết thúc chương trình, đề tài, dự án cho đến thời điểm về hưu (theo Quy định của nhà nước) thì không được chủ trì chương trình, đề tài, dự án

**Điều 6.** Nhiệm vụ của các cơ quan quản lý:

1. Vụ Khoa học Công nghệ và CLSP có trách nhiệm tổ chức xác định nhiệm vụ KH-CN, phê duyệt đề cương nghiên cứu, phân bổ kinh phí, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá và nghiệm thu kết quả thực hiện các chương trình, đề tài, dự án; Trình Bộ trưởng quyết định cơ quan, cá nhân chủ trì chương trình, đề tài thuộc chương trình, đề tài trọng điểm và dự án.

2. Vụ Tài chính - Kế toán có trách nhiệm thẩm định dự toán, cấp phát và quyết toán kinh phí của các chương trình, đề tài, dự án theo nội dung đã được phê duyệt.

## Chương II

### QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CHƯƠNG TRÌNH, CƠ QUAN VÀ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

**Điều 7.** Trách nhiệm của Ban điều hành chương trình, cơ quan, cá nhân chủ trì đề tài, dự án

1. Ban điều hành chương trình: Có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tổng thể, kiểm tra thực hiện và đánh giá kết quả của chương trình, báo cáo Vụ Khoa học Công nghệ và CLSP tổ chức thẩm định và nghiệm thu.

2. Cơ quan chủ trì chương trình: Có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để Ban điều hành chương trình hoạt động có hiệu quả.

3. Cơ quan chủ trì đề tài, dự án: Có trách nhiệm thẩm định cấp cơ sở đề cương, kiểm tra và đánh giá kết quả nghiên cứu, quản lý tài chính và tạo mọi điều kiện thuận lợi để đề tài, dự án được thực hiện có hiệu quả. Trường hợp đề tài, dự án có thu hồi, cơ quan chủ trì phải nộp kinh phí thu hồi đầy đủ và đúng thời hạn.



4. Cá nhân chủ trì đề tài, dự án: Có trách nhiệm tổ chức thực hiện những nội dung theo đề cương đã được phê duyệt, sử dụng kinh phí theo đúng qui định hiện hành của Nhà nước; báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn kết quả thực hiện nội dung nghiên cứu và sử dụng kinh phí với Ban điều hành chương trình và cơ quan quản lý, kể cả báo cáo định kỳ (6 tháng 1 lần vào cuối tháng 6, tháng 12) và báo cáo đột xuất. Khi có thay đổi về nội dung, địa điểm, kinh phí, chủ nhiệm đề tài phải báo cáo bằng văn bản với Ban điều hành chương trình và cơ quan quản lý và chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý bằng văn bản.

5. Cơ quan chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án chịu trách nhiệm hoàn toàn trước Nhà nước về hiệu quả sử dụng kinh phí và kết quả nghiên cứu, chuyển giao cho sản xuất.

6. Cơ quan chủ trì và chủ nhiệm đề tài nghiên cứu có trách nhiệm đăng ký và giao nộp kết quả theo mục 1, Điều 25 của Luật Khoa học và Công nghệ.

**Điều 8.** Quyền hạn của Ban điều hành chương trình, cơ quan, cá nhân chủ trì đề tài, dự án

1. Ban điều hành chương trình: Có quyền đề xuất nội dung nghiên cứu, kinh phí và điều chỉnh kế hoạch trong quá trình thực hiện.

2. Cơ quan chủ trì đề tài, dự án: Có quyền đề xuất thay đổi nội dung nghiên cứu và chủ trì đề tài.

3. Chủ trì đề tài, dự án: Có quyền ký kết hợp đồng trách nhiệm với các tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài đơn vị để triển khai nội dung nghiên cứu theo đúng qui định hiện hành; được hưởng quyền lợi về bản quyền tác giả đối với công trình khoa học do mình tạo ra theo qui định của pháp luật; được hưởng chế độ phụ cấp theo chế độ hiện hành; được ưu tiên trong tuyển chọn hoặc giao nhiệm vụ nghiên cứu giai đoạn tiếp theo nếu kết quả nghiên cứu của đề tài được Hội đồng Khoa học và Công nghệ đánh giá xuất sắc.

### Chương III

## XÂY DỰNG VÀ XÉT DUYỆT ĐỀ CƯƠNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

### ĐIỀU 9. CÁC BƯỚC XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

**Điều 9.** Các bước xây dựng chương trình, đề tài, dự án

1. Căn cứ vào nội dung được nêu tại Điều 3 của Quy chế này, Bộ thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH-CN, Vụ Khoa học công nghệ và CLSP tổng hợp trình Bộ phê duyệt danh mục chương trình, đề tài, dự án và thông báo công khai để đăng ký tuyển chọn.

2. Căn cứ vào danh mục đề tài, dự án đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân xây dựng đề cương (theo mẫu) tham gia tuyển chọn.

**Điều 10.** Tuyển chọn, thẩm định đề cương

1. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn (gọi tắt là hồ sơ) gồm:

- Đơn đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án
- Thuyết minh đề tài, dự án
- Tóm tắt hoạt động KH-CN của tổ chức đăng ký thực hiện đề tài, dự án
- Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ trì đề tài, dự án
- Văn bản xác nhận của các tổ chức và cá nhân đăng ký phối hợp thực hiện đề tài, dự án
- Các văn bản pháp lý chứng minh năng lực huy động vốn từ nguồn khác (trong trường hợp tổ chức và cá nhân có kê khai huy động được kinh phí từ nguồn vốn khác)

2. Hội đồng tuyển chọn, thẩm định đề cương đề tài, dự án gồm: Chủ tịch và phó chủ tịch (nếu cần), thư ký và các uỷ viên, trong đó số thành viên là đại diện của các cơ quan quản lý khoa

09685495



học, cơ quan sản xuất kinh doanh và đại diện các tổ chức ứng dụng kết quả KHCN không quá 30%, số còn lại là các nhà khoa học có chuyên môn phù hợp. Cơ quan tham gia tuyển chọn không được tham gia Hội đồng. Mỗi đề cương có từ 1-2 phản biện.

3. Tuyển chọn, thẩm định đề cương thông qua hình thức bỏ phiếu kín.

4. Trong trường hợp đặc biệt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ chỉ định cơ quan, cá nhân chủ trì đề tài, dự án.

**Điều 11.** Bổ nhiệm Ban điều hành chương trình và chủ trì đề tài, dự án:

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định bổ nhiệm Ban điều hành chương trình và chủ trì đề tài thuộc chương trình, đề tài trọng điểm, dự án.

2. Các tổ chức khoa học công nghệ quyết định bổ nhiệm cán bộ chủ trì đối với nhiệm vụ nghiên cứu thường xuyên và báo cáo Bộ (qua Vụ Khoa học Công nghệ và CLSP).

#### Chương IV

### KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VÀ NGHIỆM THU

#### **Điều 12.** Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Ngoài kiểm tra của Ban điều hành chương trình và cơ quan chủ trì, hàng năm Bộ thành lập các đoàn kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện của từng đề tài

1. Thành phần đoàn kiểm tra: Các nhà khoa học, quản lý có chuyên môn phù hợp với đề tài. Cán bộ của cơ quan chủ trì và tham gia thực hiện đề tài không được là thành viên của đoàn.

2. Nội dung kiểm tra: Nội dung, phương pháp nghiên cứu, tổ chức triển khai, sử dụng kinh phí và tiến độ thực hiện. Kết quả kiểm tra phải được ghi thành biên bản (theo mẫu) và Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của đoàn và kiến nghị với Bộ phương án xử lý thích hợp.

3. Kinh phí kiểm tra: Từ kinh phí sự nghiệp khoa học.

#### **Điều 13.** Nghiệm thu kết quả

1. Nghiệm thu kết quả bao gồm nghiệm thu hàng năm và nghiệm thu kết thúc đề tài, dự án. Nghiệm thu hàng năm do cơ quan chủ trì thực hiện có đại diện của cơ quan quản lý. Nghiệm thu kết thúc do Bộ chủ trì thực hiện.

2. Nghiệm thu kết thúc được tiến hành ở 2 cấp:

a) Nghiệm thu cấp cơ sở: Sau khi kết thúc đề tài, dự án (theo thời hạn ghi trong đề cương), cơ quan chủ trì đề tài thành lập Hội đồng để đánh giá và nghiệm thu. Sau 15 ngày, cơ quan chủ trì gửi hồ sơ báo cáo Bộ. Hồ sơ gồm: Báo cáo khoa học (đã chỉnh lý sau nghiệm thu), báo cáo tài chính, công văn đề nghị nghiệm thu và các văn bản liên quan (Quyết định thành lập Hội đồng và biên bản nghiệm thu, đề cương đã phê duyệt). Các văn bản liên quan phải có đầy đủ chữ ký và con dấu theo yêu cầu của biểu mẫu.

b) Nghiệm thu cấp Bộ: Bộ thành lập Hội đồng nghiệm thu để đánh giá kết quả thực hiện sau nghiệm thu cấp cơ sở.

3. Giao nộp sản phẩm: Báo cáo khoa học (08 bản) đã chỉnh lý theo ý kiến Hội đồng, biên bản bàn giao sản phẩm và hồ sơ đề tài, dự án.

4. Kết quả đánh giá nghiệm thu hàng năm và kết thúc đề tài, dự án là cơ sở để quyết toán tài chính.

5. Trong quá trình thực hiện đề tài, nếu có những kết quả đủ điều kiện công nhận là tiến bộ kỹ thuật, đơn vị chủ trì gửi công văn trình Bộ để tổ chức đánh giá.

#### **Điều 14.** Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp Bộ

1. Vụ Khoa học Công nghệ và CLSP trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu đề tài, dự án. Hội đồng gồm Chủ tịch, phó chủ tịch



(nếu cần), thư ký và các ủy viên, trong đó phải có đại diện của các tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu. Phiên họp phải có từ 2/3 tổng số thành viên Hội đồng tham dự trở lên mới được coi là hợp lệ.

2. Cán bộ của cơ quan chủ trì đề tài, dự án không được quá 20% số thành viên Hội đồng.

3. Mỗi đề tài, dự án phải có 2 phản biện, các thành viên Hội đồng phải có ý kiến đánh giá bằng văn bản và chịu trách nhiệm về đánh giá của mình.

4. Hội đồng nghiệm thu đánh giá kết quả bằng bỏ phiếu kín. Kết quả bỏ phiếu chỉ được công nhận khi có ít nhất 3/4 số phiếu hợp lệ tán thành. Trong trường hợp số phiếu đánh giá ngang bằng nhau, kết quả được lấy theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng.

5. Căn cứ Biên bản nghiệm thu của Hội đồng, Vụ Khoa học Công nghệ và CLSP trình Bộ trưởng quyết định công nhận kết quả của đề tài, dự án.

### Chương V

#### QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ CẤP PHÁT KINH PHÍ

**Điều 15.** Lập dự toán cho các đề tài, dự án

1. Chủ nhiệm đề tài lập tổng dự toán theo nội dung đã được phê duyệt.

2. Căn cứ vào kinh phí thông báo hàng năm, chủ nhiệm đề tài lập dự toán chi tiết theo các quy định hiện hành.

**Điều 16.** Thẩm định dự toán

Vụ Tài chính - Kế toán chủ trì thẩm định dự toán theo đơn giá và định mức hiện hành trên cơ sở nội dung và tiến độ thực hiện đã được phê duyệt.

**Điều 17.** Cấp kinh phí

1. Trên cơ sở nội dung, dự toán đã được phê duyệt, Vụ Tài chính - Kế toán tổng hợp và làm

việc với Bộ Tài chính cấp kinh phí cho các đơn vị thực hiện và thông báo cho Vụ Khoa học Công nghệ và CLSP để cùng theo dõi.

2. Đối với tổ chức và cá nhân không hưởng ngân sách sự nghiệp khoa học, nếu được thực hiện đề tài, dự án phải ký hợp đồng trách nhiệm qua Văn phòng Bộ.

3. Trường hợp không sử dụng hết kinh phí trong năm tài chính, cơ quan chủ trì phải có văn bản báo cáo gửi Bộ (Vụ Tài chính - Kế toán, Vụ Khoa học Công nghệ và CLSP) từ ngày 20 đến ngày 25 tháng 12 hàng năm đề nghị chuyển tiếp sang năm sau và chỉ được phép sử dụng khi cơ quan tài chính có thẩm quyền đồng ý.

**Điều 18.** Báo cáo quyết toán tài chính

Cơ quan chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án lập báo cáo quyết toán hàng năm, cùng báo cáo quyết toán chung của đơn vị theo chế độ hiện hành gửi Vụ Tài chính - Kế toán, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổ chức duyệt.

### Chương VI

#### KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

**Điều 19.** Khen thưởng

Cơ quan và cá nhân chủ trì đề tài, dự án thực hiện tốt quy chế này sẽ được khen thưởng theo quy định hiện hành và được ưu tiên khi tham gia tuyển chọn các đề tài, dự án.

**Điều 20.** Xử lý vi phạm

1. Cơ quan và cá nhân vi phạm quy chế này tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo những hình thức sau đây:

- Khiển trách
- Cảnh cáo
- Đình chỉ thực hiện đề tài, dự án
- Không được tham gia đấu thầu tuyển chọn trong thời gian nhất định
- Thu hồi kinh phí



- Trường hợp vi phạm nghiêm trọng sẽ bị xử lý theo pháp luật.

2. Vụ Khoa học Công nghệ và CLSP chủ trì cùng Vụ Tài chính - Kế toán và Thanh tra Bộ đề nghị Bộ hình thức khen thưởng và xử lý vi phạm.

### Chương VII

## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### Điều 21. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị báo cáo Bộ (Vụ Khoa học Công nghệ và CLSP) để kịp thời bổ sung và sửa đổi./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và  
Phát triển nông thôn  
*Thủ trưởng*

BÙI BÁ BỔNG

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 42/2003/QĐ-BNN ngày 29/01/2003 về việc đăng ký đặc cách một số loại thuốc bảo vệ thực vật vào danh mục được phép sử dụng ở Việt Nam.**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

*Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01/11/1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ,*

*quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;*

*Căn cứ điều 29 Pháp lệnh Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật công bố ngày 08/08/2001;*

*Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Chất lượng sản phẩm,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cho đăng ký đặc cách 08 loại thuốc trừ sâu, trừ ốc bươu vàng hại cây trồng vào danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam (có danh mục kèm theo).

**Điều 2.** Việc xuất khẩu, nhập khẩu các loại thuốc bảo vệ thực vật ban hành kèm theo quyết định này được thực hiện quy định tại Điều 12 Điều lệ quản lý thuốc bảo vệ thực vật, ban hành kèm theo Nghị định 58/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ; quy định tại Quyết định 46/2001/QĐ-TTg ngày 04/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2001 - 2005 và quy định tại Quyết định số 145/2002 QĐ-BNN ngày 18 tháng 12 năm 2002 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Cục Bảo vệ thực vật chịu trách nhiệm hướng dẫn chi tiết cách sử dụng an toàn và hiệu quả các thuốc bảo vệ thực vật kể trên.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và CLSP, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân trong nước và người nước ngoài quản lý, sản xuất, kinh doanh buôn bán và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật ở Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và  
Phát triển nông thôn  
*Thủ trưởng*

BÙI BÁ BỔNG